TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN GÒ VẤP** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1641/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 13-12-2017
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Viên
2. Bà Lê Thị Thanh Hồng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Kiều Oanh, thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa:

Ngày 13 tháng 12 năm 2017 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 980/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Ngọc T; địa chỉ cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện M, tỉnh Gia Lai. (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

- *Bị đơn*: Bà Hà Phương Đ; địa chỉ cư trú: Đường D, Phương N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 6 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T trình bày: Ông T và bà Đ tự nguyện chung sống với nhau năm 2016, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 137 ngày 05/8/2016. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, tuy nhiên đến đầu năm 2017 thì hai vợ chồng có mâu thuẫn trầm T về tình cảm nên thường xuyên cãi nhau. Ông T đã bỏ về quê ở Gia Lai sinh sống và sống ly thân

với bà Đ cho đến nay. Từ khi sống ly thân ông T và bà Đ không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Đ.

Về con chung: Ông T và bà Đ không có con chung.

Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bà Đ và giấy triệu tập bà Đ đến Tòa án để ghi nhận ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông T nhưng bà Đ không đến Tòa án và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của ông T

Ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bà Đ vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Đ đây là tranh chấp về ly hôn. Bà Đ có nơi cư trú tại quận Gò Vấp, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

Ông T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; bà Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông T và bà Đ.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông T: Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa ông T và bà Đ là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được công nhận hôn nhân hợp pháp. Ông T xin ly hôn với bà Đ vì nhận thấy mâu thuẫn gia đình đã trầm T, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy từ sau khi vụ án được thụ lý và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đối với bà Đ đến Tòa để giải quyết vụ án nhưng bà Đ vẫn không đến Tòa. Điều này chứng tỏ bà Đ không có trách nhiệm đối với hôn nhân của mình, không có thiện chí trong việc giải quyết mâu thuẫn gia đình và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T đối với bà Đ.

[3] Về con chung: Ông T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc T được ly hôn với bà Hà Phương Đ.

2. Về con chung: Không xét.

3. Về tài sản chung: Không xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông T phải chịu án phí nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0027109 ngày 20/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Trong và bà Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND Q.Gò Vấp;
- UBND Phường N, Q.GV;
- Lưu VP, Hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Việt Hà